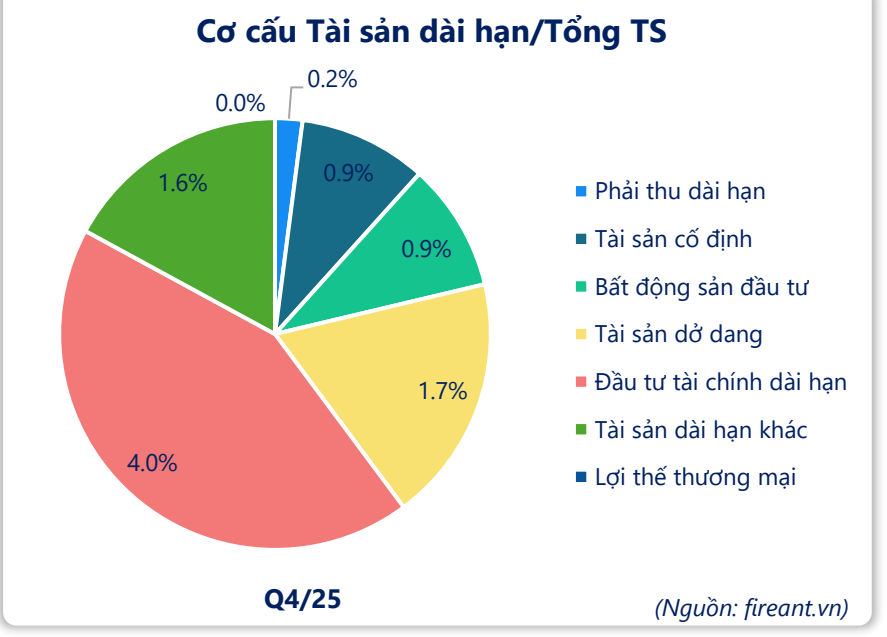
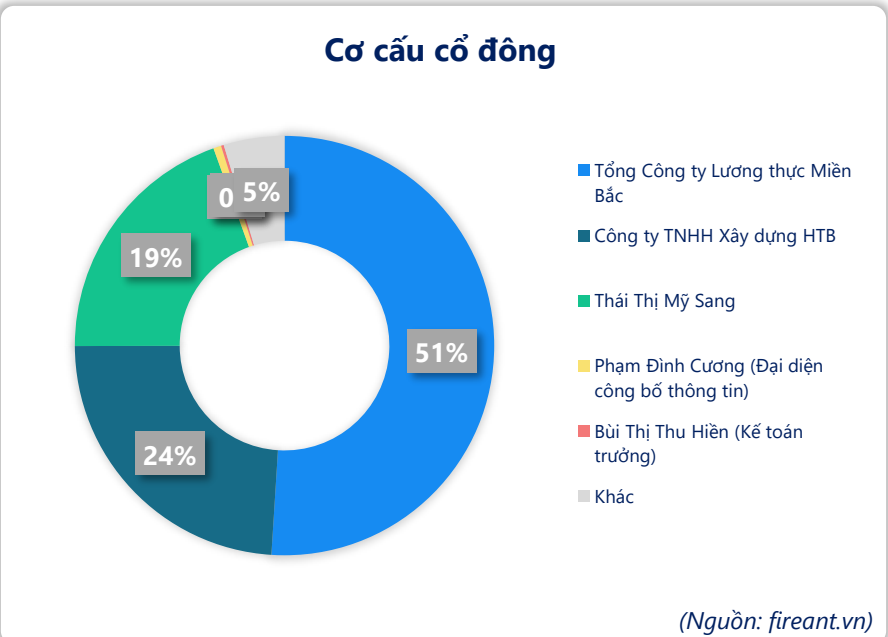
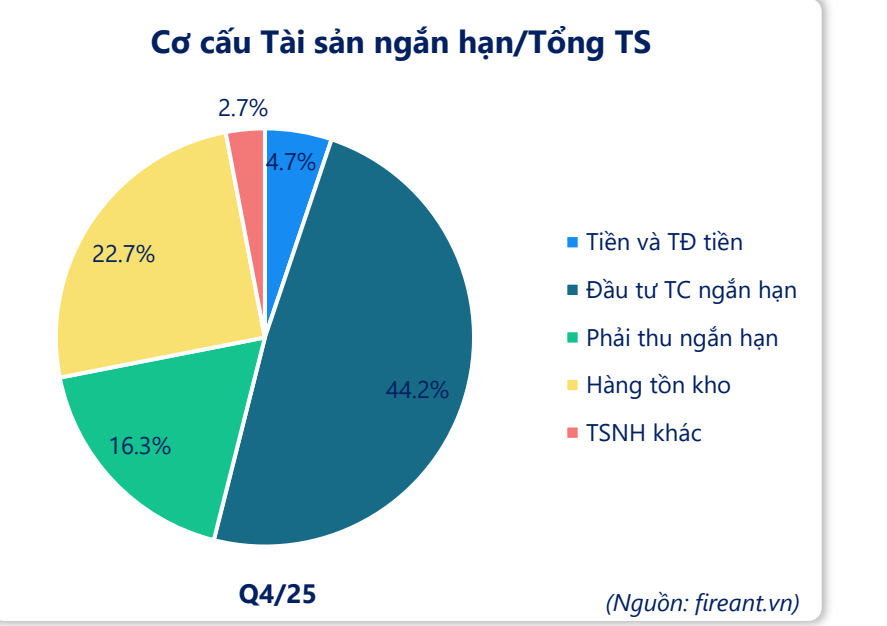
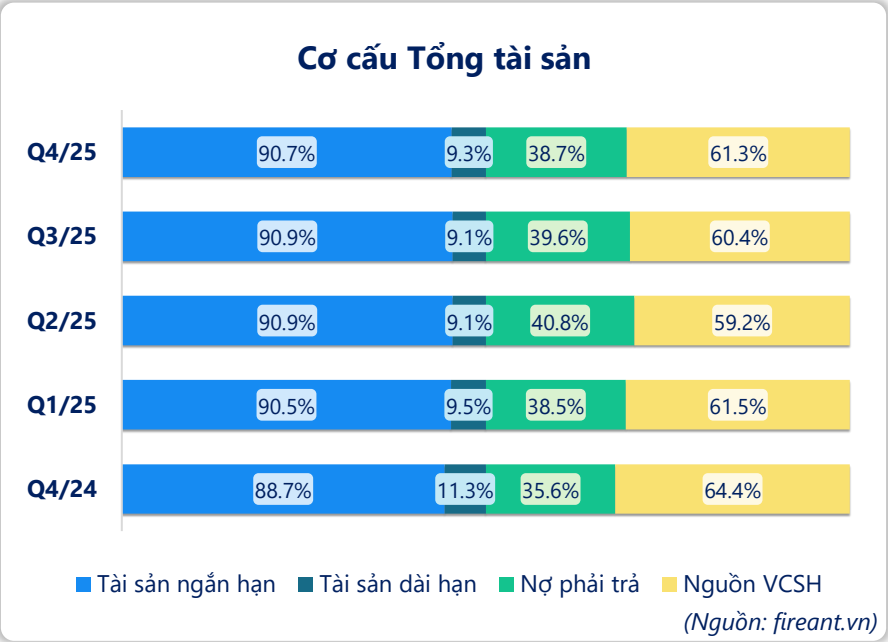
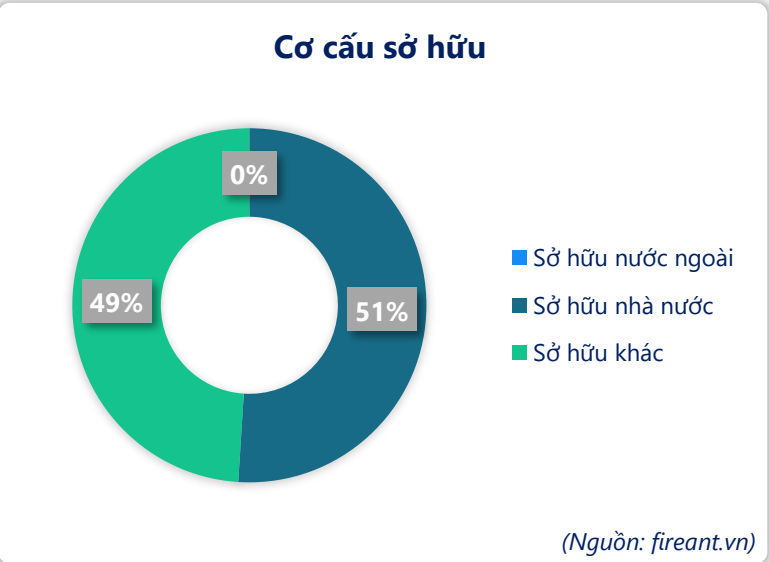
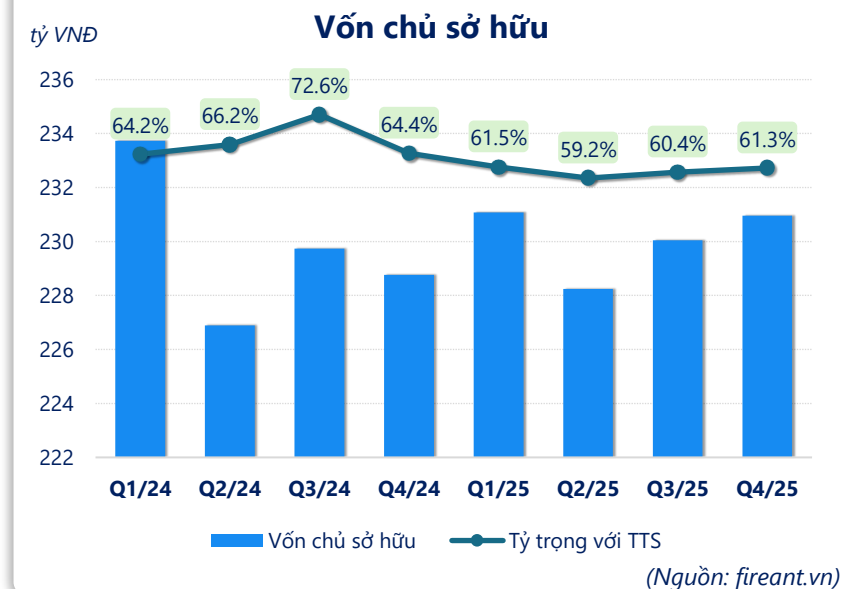
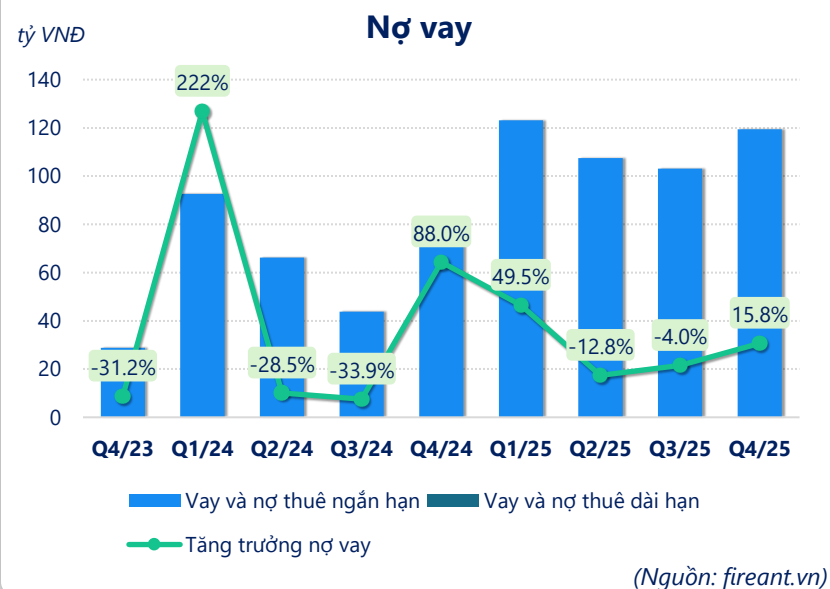
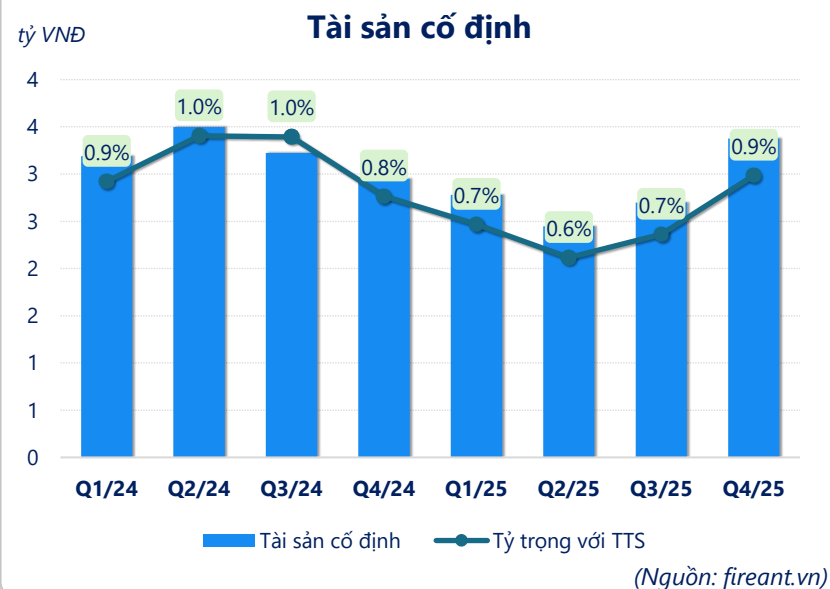
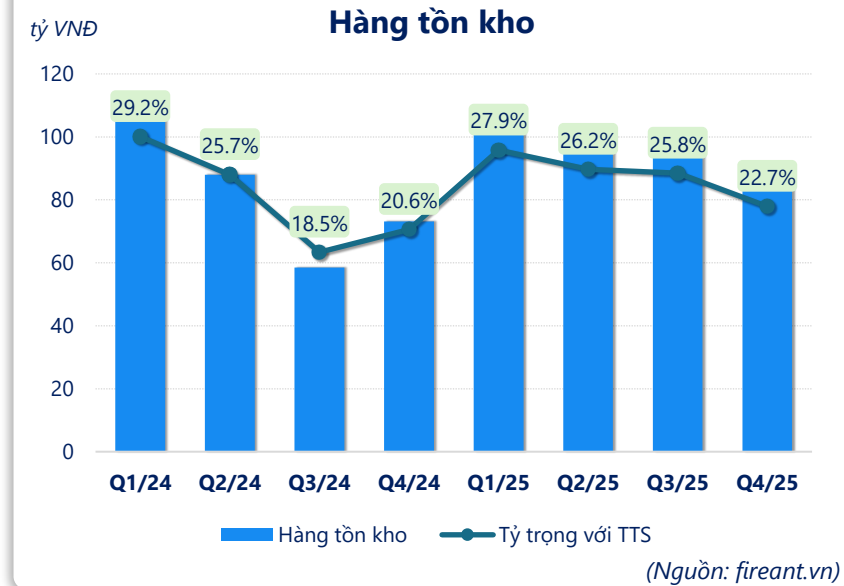
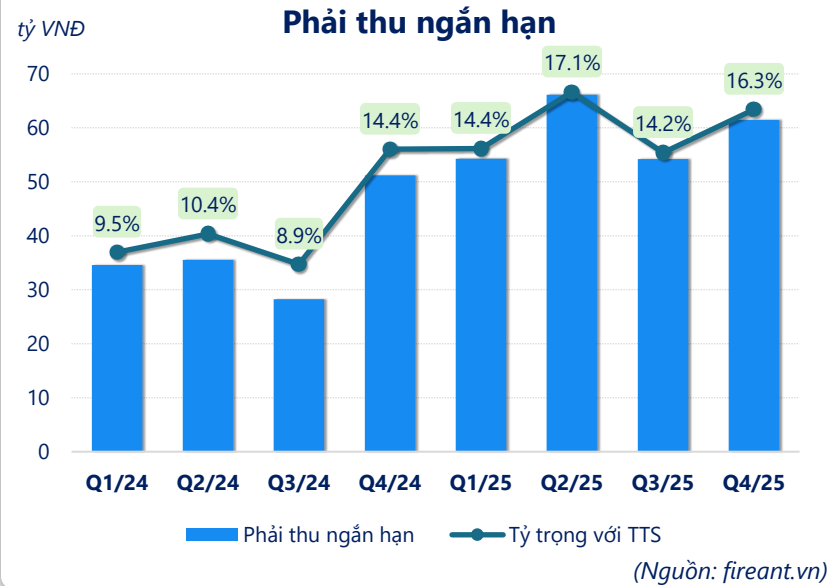
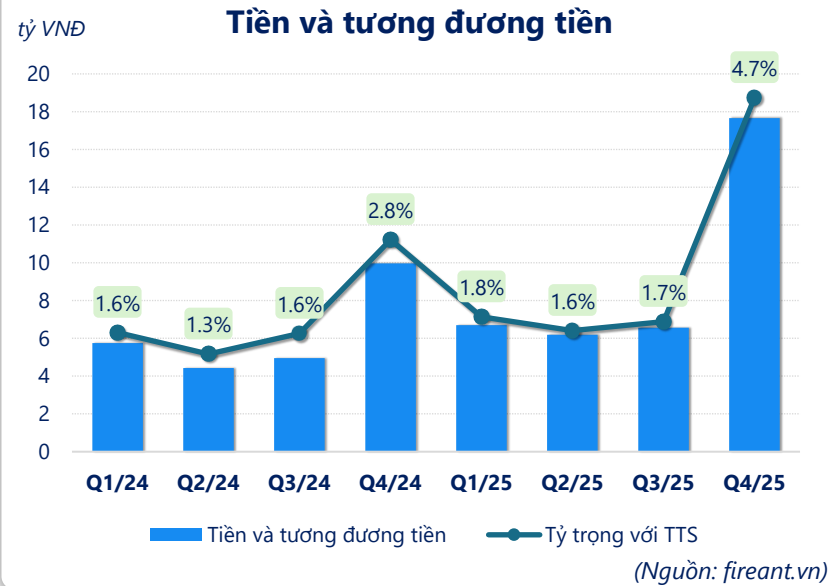
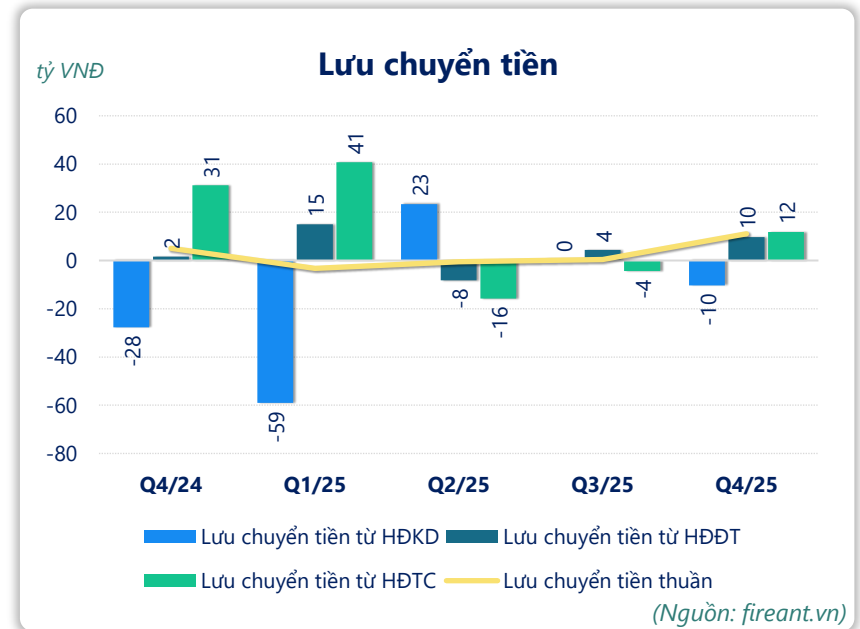
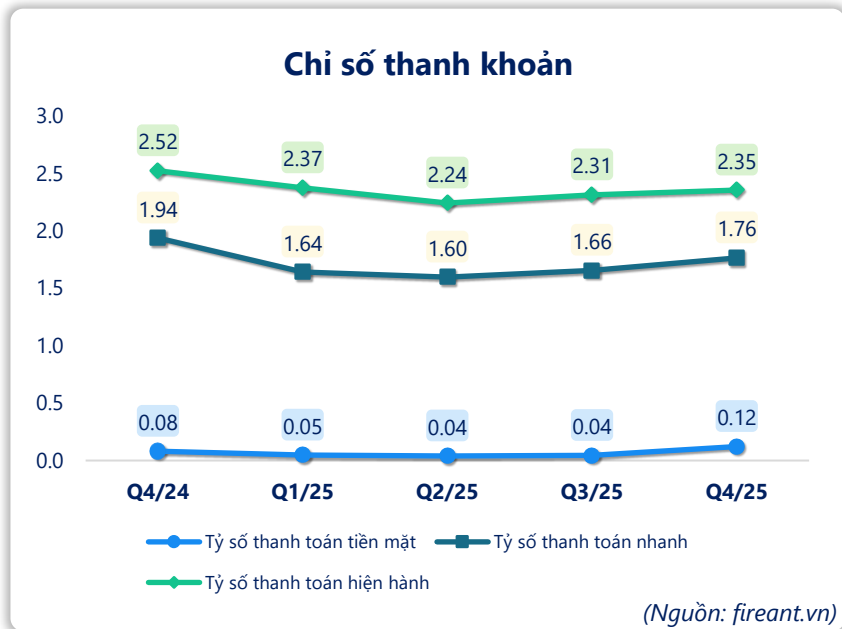
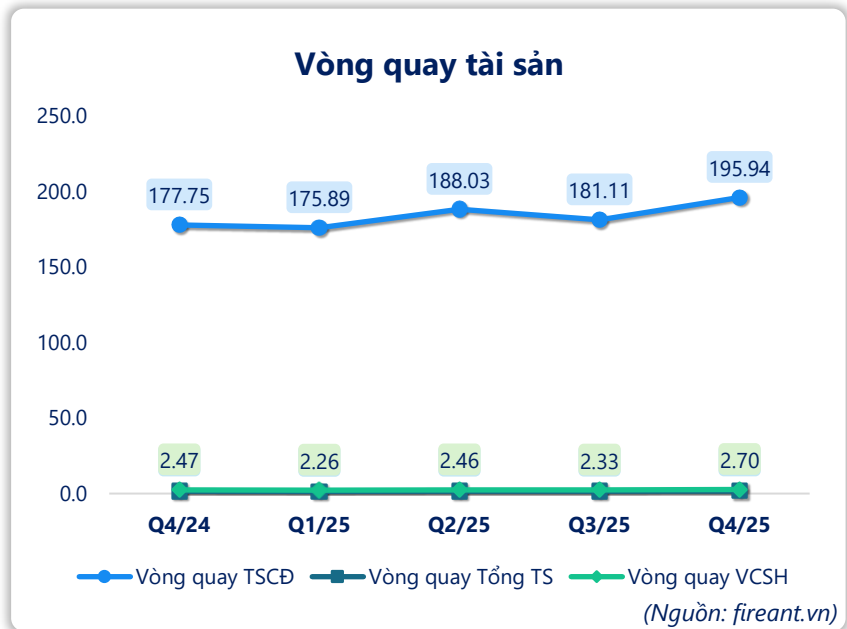
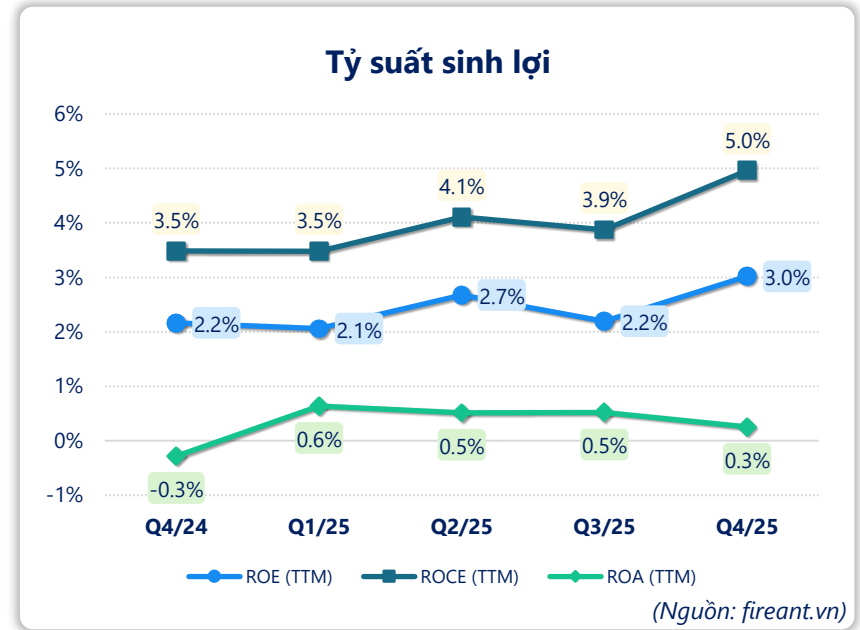
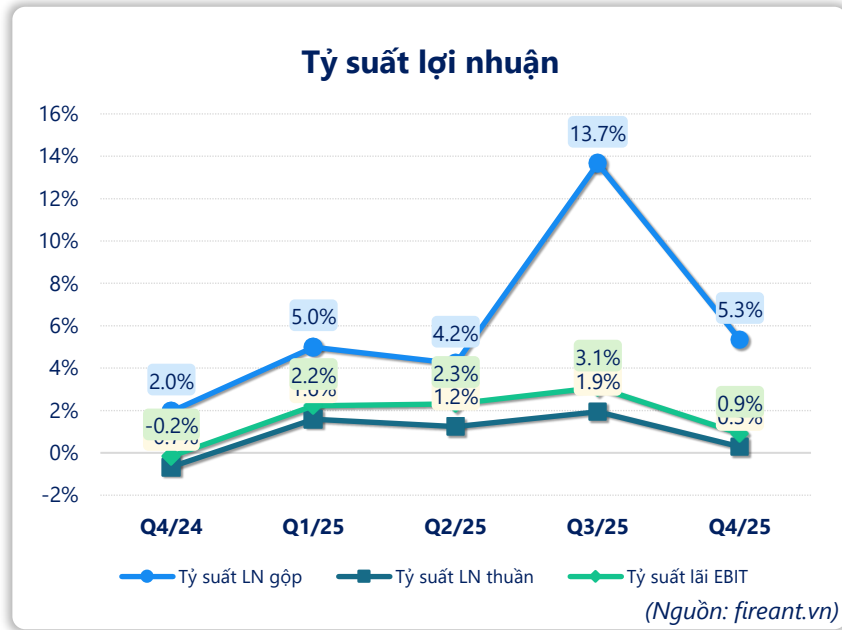
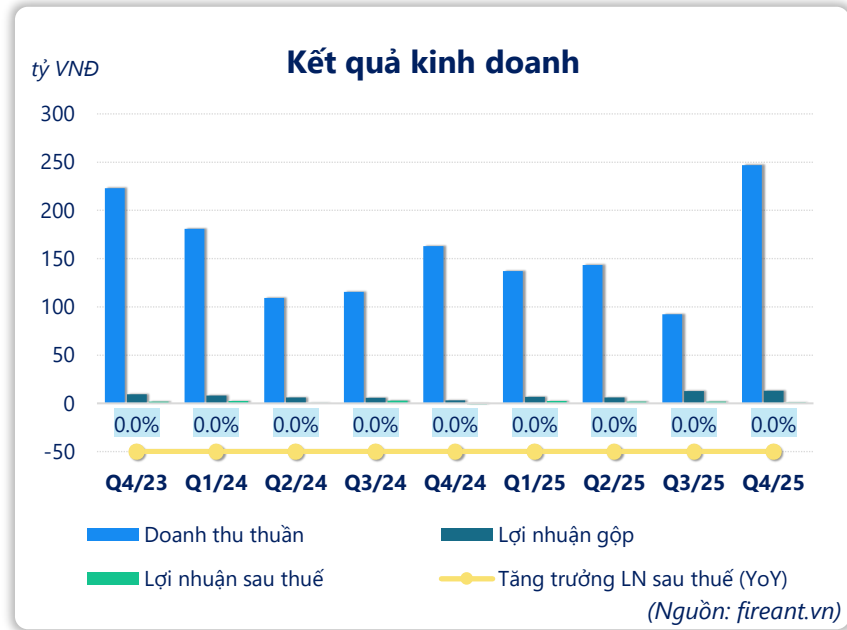


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		19,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		19,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		18,013
SL cổ phiếu LH		21,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		415
P/E		59.8
EPS		323

	YTD	1T	3T	6T
VHF	7.1%	0.0%	0.0%	0.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	377	358	5.1%
Tài sản ngắn hạn	342	322	6.2%
Tiền và tương đương tiền	17.7	9.97	77.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	167	177	-5.6%
Phải thu ngắn hạn	61.5	54.9	12.0%
Hàng tồn kho	85.7	76.5	12.0%
Tài sản ngắn hạn khác	10.3	3.97	159%
Tài sản dài hạn	35.1	36.6	-4.0%
Phải thu dài hạn	0.72	0.87	-16.7%
Tài sản cố định	3.38	2.95	14.6%
Bất động sản đầu tư	3.38	4.33	-22.0%
Tài sản dở dang	6.51	6.51	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	15.1	15.1	0.0%
Tài sản dài hạn khác	6.00	6.79	-11.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	146	130	12.4%
Nợ ngắn hạn	145	128	13.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	119	82.4	44.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	11.9	37.5	-68.4%
Nợ dài hạn	0.67	1.46	-54.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	231	229	1.0%
Vốn chủ sở hữu	231	229	1.0%
Vốn điều lệ	215	215	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	163	137	143	92.4	247
Giá vốn hàng bán	160	130	137	79.8	234
Lợi nhuận gộp	3.19	6.85	6.05	12.6	13.2
Doanh thu HĐTC	2.47	7.99	8.97	2.53	2.94
Chi phí TC	1.02	1.04	1.60	1.23	1.34
Chi phí lãi vay	0.71	0.69	1.46	1.05	1.32
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.17	5.44	5.72	3.35	10.4
Chi phí QLDN	2.54	6.18	5.91	8.77	3.62
LN thuần từ HĐKD	-1.07	2.18	1.79	1.79	0.70
Lợi nhuận khác	0.10	0.17	0.07	0.01	0.22
LN trước thuế	-0.97	2.35	1.86	1.80	0.92
Lợi nhuận sau thuế	-0.97	2.35	1.86	1.80	0.92
LNST của CĐ cty mẹ	-0.97	2.35	1.86	1.80	0.92

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-27.7	-59.0	23.4	0.35	-10.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.56	15.0	-8.19	4.34	9.67
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	31.1	40.8	-15.7	-4.32	11.8
Tiền đầu kỳ	4.96	9.97	6.70	6.19	6.56
Lưu chuyển tiền thuần	5.00	-3.27	-0.51	0.37	11.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	0	0	0	0.01
Tiền cuối kỳ	9.97	6.70	6.19	6.56	17.7

(Nguồn: fireant.vn)